TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGÔ QUYỀN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/DS-ST
Ngày 08-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Hải Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Khang

Bà Nguyễn Thị Tư

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hà Phương - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Nhật Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 586/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 638/2019/QĐST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần V N T V. Địa chỉ trụ sở: Số 89 đường L, phường L, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lương M T, ông Đinh X V, ông Lê Vũ Q T; chức vụ: Cán bộ xử lý nợ AMC; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 4681/2019/UQ-VPB ngày 20/6/2019); ông T, ông T vắng mặt, ông V có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Bùi T P, sinh năm 1972; nơi cư trú: Số 3/3/17/320 đường L L, phường M, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/6/2019, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V N T V và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Bùi T P ký Hợp đồng tín dụng số CN/VN0010295/201612/18 ngày 05/12/2016 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V N T V(sau đây viết là Ngân hàng) để vay số tiền 39.000.000 đồng; ngày 11/10/2017, bà P ký tiếp Hợp đồng tín dụng số CN/VN0010295/201710/12 với Ngân hàng để vay số tiền 11.000.000 đồng. Mục đích vay đều là tiêu dùng tín chấp; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 32%/năm; và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo mức lãi suất của Ngân hàng do Hội sở chính của Ngân hàng ban hành tương ứng với thời hạn vay được làm tròn lên. Theo đó, bà Bùi T P đã nhận đủ số tiền vay gốc 50.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, bà P đã thanh toán được 31.356.275 đồng (gốc 10.924.334 đồng, lãi 20.431.941 đồng). Từ ngày 04/9/2018, bà P không trả gốc và lãi như đã cam kết. Tính đến ngày 25/5/2019, bà P còn nợ Ngân hàng số tiền 50.307.764 (Năm mươi triệu, ba trăm linh bảy nghìn, bảy trăm sáu mươi bốn) đồng. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhưng bà P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng đã có đơn khởi kiện bà P tại Tòa án với các nội dung sau:

1. Yêu cầu Tòa án buộc bà Bùi T P phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V N T Vtoàn bộ số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số CN/VN0010295/201612/18 ngày 05/12/2016 và Hợp đồng tín dụng số CN/VN0010295/201710/12 ngày 11/10/2017 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 08/11/2019 là 64.212.245 (sáu mươi bốn triệu, hai trăm mười hai nghìn, hai trăm bốn mươi lăm) đồng. Trong đó: Nợ gốc 39.075.666 đồng; nợ lãi 23.435.109 đồng; Phạt chậm trả lãi 1.701.470 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Quan điểm của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Bùi T P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có quan điểm đối với yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên có ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng quy định của

pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 08/11/2019 theo các Hợp đồng tín dụng đã ký là 64.212.245 (Nợ gốc 39.075.666 đồng; nợ lãi 23.435.109 đồng; phạt chậm trả lãi 1.701.470 đồng); Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này; Bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền nhận định:

- Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

[1] Ngân hàng Thương mại Cổ phần V N T Vkhởi kiện bà Bùi T P yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà Bùi T P phải trả tiền nợ các hợp đồng tín dụng đã ký. Đây là vụ án Dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng khởi kiện trong thời hạn luật định, bị đơn cư trú thuộc địa bàn quận Ngô Quyền. Vì vậy, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 29; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn:

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn Bùi T P vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét tính hợp pháp của các hợp đồng tín dụng:

[3] Ngày 05 tháng 12 năm 2016, ngày 11 tháng 10 năm 2017, bà Bùi T P ký các Hợp đồng tín dụng số CN/VN0010295/201612/18, số CN/VN0010295/201710/12 với Ngân hàng, do ông Hoàng M T - Giám đốc Phòng giao dịch Trần Nguyên Hãn, Chi nhánh Hải Phòng, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V N T V là đại diện theo ủy quyền ký kết. Theo đó, Ngân hàng đồng ý cho bà P vay tổng số tiền 50.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng tín chấp, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 32%/năm và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo mức lãi suất của Ngân hàng do Hội sở chính của Ngân

hàng ban hành tương ứng với thời hạn vay được làm tròn lên. Như vậy thể hiện, người tham gia hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện; mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước). Hình thức hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 124 Bộ luật Dân sự năm 2005, các điều khoản nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, nên phát sinh hiệu lực đối với các bên về quyền, nghĩa vụ và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong các hợp đồng.

Xét việc thực hiện các hợp đồng của các bên:

[4] Nguyên đơn đã thực hiện đúng hợp đồng, đã thực hiện giải ngân cho bị đơn vay tổng số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn như thỏa thuận, nên nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn và khởi kiện tại Tòa án là phù hợp với Điều 9 Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết và quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Tổng số tiền mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn tính đến thời điểm hiện nay là 31.356.275 đồng (gốc 10.924.334 đồng; lãi 20.431.941 đồng). Nguyên đơn giao nộp căn cứ chứng minh là bảng kê chi tiết nợ gốc theo lịch trình đã trả theo các hợp đồng tín dụng đã ký của bị đơn, tính từ thời điểm giải ngân đến ngày 03/8/2018. Xét các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp phù hợp với nhau, phù hợp với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, căn cứ khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, cần chấp nhận yêu cầu khoản tiền nợ gốc 39.075.666 đồng của nguyên đơn.

Xét yêu cầu trả nợ lãi, phạt chậm trả lãi của nguyên đơn đối với bị đơn:

[5] Hội đồng xét xử nhận thấy, sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Để chứng minh cho yêu cầu của mình, nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi theo sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng, phù hợp với chính sách lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Dư nợ gốc tính lãi phù với tập sao kê giao dịch tài khoản vay. Như vậy, bảng tính lãi có căn cứ được chấp nhận. Đối chiếu bảng tính lãi với tập sao kê giao dịch tài khoản vay xác định: Tính đến ngày 08/11/2019, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền lãi là 22.534.286 đồng. Xét cần chấp nhận yêu cầu trả nợ lãi của nguyên đơn theo khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

[6] Nguyên đơn và bị đơn ký Hợp đồng tín dụng vào các ngày 03/01/2017 và 13/10/2017, tại khoản 3 Điều 14 của các hợp đồng có quy định Điều khoản

chung có thể hiện: Khách hàng vay đồng ý với việc Ngân hàng có quyền sửa đổi, bổ sung nội dung của điều khoản và điều kiện cho vay trên cơ sở bảo đảm việc sửa đổi, bổ sung phù hợp với các quy định có liên quan của pháp luật. Việc sửa đổi, bổ sung này được thông báo cho khách hàng thông qua hình thức bằng văn bản, qua email, SMS hoặc trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc trang thông tin điện tử chính thức của Ngân hàng. Theo đó, nguyên đơn giao nộp Bộ điều khoản và điều kiện về vay tiêu dùng cá nhân kèm theo bảng kê chi tiết tính lãi, phạt chậm trả lãi theo lũy kế từng thời kỳ của bị đơn. Đối chiếu quy định của pháp luật tại điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, Hội đồng xét xử xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả khoản tiền phạt chậm trả lãi 1.701.470 đồng là có căn cứ.

[7] Từ những phân tích và đánh giá như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ cho nguyên đơn theo Hợp đồng tín dụng số CN/VN0010295/201612/18 ngày 05/12/2016 và Hợp đồng tín dụng số CN/VN0010295/201710/12 ngày 11/10/2017 hai bên đã ký kết.

Về án phí:

[8] Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26 Nghị định 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

[9] Theo Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: "*Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay*". Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy cần áp dụng Án lệ 08/2016/AL để xác định nghĩa vụ chậm thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 121; 122; 124; 471; 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 6; Điều 11; Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03 tháng 2 năm 2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

Căn cứ vào điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14;

Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Bùi T P phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V N T V tổng số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số CN/VN0010295/201612/18 ngày 05/12/2016 và Hợp đồng tín dụng số CN/VN0010295/201710/12 ngày 11/10/2017 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 08/11/2019 là 64.212.245 (sáu mươi bốn triệu, hai trăm mười hai nghìn, hai trăm bốn mươi lăm) đồng. Trong đó:

- Nợ gốc: 39.075.666 đồng;

- Nợ lãi: 23.435.109 đồng;

- Phạt chậm trả lãi: 1.701.470 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ

gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

Bà Bùi T P phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 3.210.612 (ba triệu, hai trăm mười nghìn, sáu trăm mười hai) đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V N T V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.257.694 (một triệu, hai trăm năm mươi bảy nghìn, sáu trăm chín bốn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005960 ngày 06/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V N T V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bà Bùi T P vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hải Yến